BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP* ĐỢT THÁNG 5/2015
NGHỀ: QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN
MÔN THI: THỰC HÀNH NGHỀ

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 14/05/2015

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM			ĐIỂM TỔNG KẾT		GHI CHÚ
						LỄ TÂN	BUỒNG	BÀN	SỐ	CHỮ	
1	1813719003	Lê Thành	**An**	N18DLK5	05/06/1993	27	32	18.5	7.8	*Bảy phẩy Tám*	
2	1813719001	Bùi Quý	**An**	N18DLK5	27/11/1994	21.5	30	13	6.5	*Sáu phẩy Năm*	
3	1812719008	Nguyễn Thị Tú	**Anh**	N18DLK4	16/10/1993	26.5	32	12.5	7.1	*Bảy phẩy Một*	
4	1812719006	Ngô Thị Quỳnh	**Anh**	N18DLK5	12/03/1993	22.5	48	15.5	8.6	*Tám phẩy Sáu*	
5	1813719011	Đào Duy	**Anh**	N18DLK5	07/08/1992	22	42	13.5	7.8	*Bảy phẩy Tám*	
6	1813719004	Lê Đức	**Anh**	N18DLK6	08/12/1993	24.5	38	14.5	7.7	*Bảy phẩy Bảy*	
7	1812719013	Nguyễn Thị Ngọc	**Ánh**	N18DLK4	12/04/1994	23.5	43.5	11	7.8	*Bảy phẩy Tám*	
8	1813719018	Huỳnh Kim	**Cảnh**	N18DLK2	10/08/1993	24	40.5	16.5	8.1	*Tám phẩy Một*	
9	1812719020	Nguyễn Thị Minh	**Châu**	N18DLK3	23/03/1991	23	45	12.5	8.1	*Tám phẩy Một*	
10	1813719021	Nguyễn Hữu	**Châu**	N18DLK5	04/07/1994	25	48	14.5	8.8	*Tám phẩy Tám*	
11	1812719023	Võ Quế	**Chi**	N18DLK5	10/06/1994	27.5	48	16	9.2	*Chín phẩy Hai*	
12	1813719025	Lê Văn	**Chiến**	N18DLK5	27/03/1994	24	38.5	13.5	7.6	*Bảy phẩy Sáu*	
13	1812719048	Trần Đặng Minh	**Đài**	N18DLK6	27/03/1994	24	38	14	7.6	*Bảy phẩy Sáu*	
14	1812719028	Bùi Lê Thúy	**Diễm**	N18DLK2	11/02/1994	23.5	44	17.5	8.5	*Tám phẩy Năm*	
15	1812719053	Nguyễn Thị	**Đông**	N18DLK2	15/10/1994	28.5	46	17	9.2	*Chín phẩy Hai*	
16	1812719054	Nguyễn Thị Thu	**Đông**	N18DLK6	06/08/1994	28.5	36	18	8.3	*Tám phẩy Ba*	
17	1813719056	Dụng Anh	**Đức**	N18DLK1	07/01/1993	24	44	16.5	8.5	*Tám phẩy Năm*	
18	1812719034	Dương Thị Thùy	**Dung**	N18DLK2	12/04/1994	26.5	46	17	9.0	*Chín*	
19	1812719031	Nguyễn Thị Thanh	**Dung**	N18DLK3	24/01/1994	23	41	14	7.8	*Bảy phẩy Tám*	
20	1812719032	Nguyễn Thị Hoàng	**Dung**	N18DLK4	04/04/1993	23	40.5	15	7.9	*Bảy phẩy Chín*	
21	1813719037	Thái Tú	**Dũng**	N18DLK6	10/06/1991	22.5	35.5	18.5	7.7	*Bảy phẩy Bảy*	
22	1813719045	Hoàng Hải	**Dương**	N18DLK2	06/01/1994	28	39	10	7.7	*Bảy phẩy Bảy*	
23	1812719047	Lê Trùng	**Dương**	N18DLK2	25/06/1994	25	43	17	8.5	*Tám phẩy Năm*	
24	1813719046	Phan Văn	**Dương**	N18DLK2	05/09/1994	27.5	38	18	8.4	*Tám phẩy Bốn*	
25	1813719040	Nguyễn Ngọc	**Duy**	N18DLK2	30/06/1994	28.5	39	17	8.5	*Tám phẩy Năm*	
26	1813719042	Nguyễn Khánh	**Duy**	N18DLK6	26/05/1994	27.5	28	14	7.0	*Bảy*	
27	1812719043	Hoàng Mộng	**Duyên**	N18DLK1	02/11/1994	27.5	35.5	19	8.2	*Tám phẩy Hai*	
28	1812719059	Nguyễn Thị Hương	**Giang**	N18DLK1	05/05/1994	29.5	44	13.5	8.7	*Tám phẩy Bảy*	
29	1812719215	H' Hiệp Niê	**H' Sah**	N18DLK5	20/07/1988	29	44	13	8.6	*Tám phẩy Sáu*	
30	1812719065	Phan Thị Thu	**Hà**	N18DLK1	27/05/1993	28.5	47	15	9.1	*Chín phẩy Một*	
31	1813719061	Đinh Ngọc	**Hà**	N18DLK1	10/06/1993	25.5	47	16	8.9	*Tám phẩy Chín*	
32	1812719064	Lê Thị Ngọc	**Hà**	N18DLK6	07/03/1993	25.5	47	14.5	8.7	*Tám phẩy Bảy*	
33	1712719936	Nguyễn Thị Ngọc	**Hân**	N17DLK1	29/10/1993	26	30.5	16.5	7.3	*Bảy phẩy Ba*	
34	1812719069	Tôn Nữ Thị	**Hằng**	N18DLK6	08/06/1993	25.5	35.5	13.5	7.5	*Bảy phẩy Năm*	
35	1812719068	Nguyễn Hồng	**Hạnh**	N18DLK6	17/02/1994	23.5	37	18	7.9	*Bảy phẩy Chín*	
36	1812719071	Bùi Thị	**Hiên**	N18DLK4	26/07/1994	29	40.5	14.5	8.4	*Tám phẩy Bốn*	
37	1812719076	Nguyễn Thị Kim	**Hiền**	N18DLK1	30/10/1994	25	47	14.5	8.7	*Tám phẩy Bảy*	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP* ĐỢT THÁNG 5/2015
NGHỀ: QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN
MÔN THI: THỰC HÀNH NGHỀ

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 14/05/2015

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM			ĐIỂM TỔNG KẾT		GHI CHÚ
						LỄ TÂN	BUỒNG	BÀN	SỐ	CHỮ	
38	1812719074	Nguyễn Trần Thu	**Hiền**	N18DLK1	28/08/1992	28	48	15	9.1	*Chín phẩy Một*	
39	1813719075	Trương Thanh	**Hiền**	N18DLK5	13/11/1992	23.5	35	13	7.2	*Bảy phẩy Hai*	
40	1813719072	Nguyễn Viết Duy	**Hiền**	N18DLK6	22/07/1993	24.5	42	17.5	8.4	*Tám phẩy Bốn*	
41	1812719073	Lê Thị Diệu	**Hiền**	N18DLK3	18/05/1993	28	38.5	18.5	8.5	*Tám phẩy Năm*	
42	1813719077	Trần Minh	**Hiển**	N18DLK6	23/10/1992	23.5	42	15	8.1	*Tám phẩy Một*	
43	1813719626	Nguyễn Đình	**Hiệp**	N18DLK5	23/08/1993	25.5	40	14	8.0	*Tám*	
44	1813719082	Nguyễn Trọng	**Hiếu**	N18DLK4	19/08/1994	23	42	13.5	7.9	*Bảy phẩy Chín*	
45	1813719078	Trương Hoàng	**Hiếu**	N18DLK5	15/10/1992	21.5	38	13	7.3	*Bảy phẩy Ba*	
46	1812719085	Lê Hoàng	**Hoa**	N18DLK6	14/05/1993	27.5	32.5	18	7.8	*Bảy phẩy Tám*	
47	1812719087	Nguyễn Thị Hạ	**Hoài**	N18DLK2	08/07/1993	29	38	17.5	8.5	*Tám phẩy Năm*	
48	1813719090	Đoàn Văn	**Hoàng**	N18DLK3	21/05/1991	29	45	18.5	9.3	*Chín phẩy Ba*	
49	1813719089	Trần Thiên	**Hoàng**	N18DLK5	05/11/1994	28	45	15.5	8.9	*Tám phẩy Chín*	
50	1813719091	Võ Quang	**Hoàng**	N18DLK5	04/06/1991	28	40.5	16.5	8.5	*Tám phẩy Năm*	
51	1812719093	Nguyễn Thị Kim	**Hồng**	N18DLK2	07/03/1994	25.5	45	17.5	8.8	*Tám phẩy Tám*	
52	1813719094	Phạm Thế	**Hùng**	N18DLK5	01/05/1994	28	47	18	9.3	*Chín phẩy Ba*	
53	1813719097	Phạm Lê Duy	**Hưng**	N18DLK5	23/05/1992	22.5	40.5	12.5	7.6	*Bảy phẩy Sáu*	
54	1812719101	Lê Thị Thu	**Hương**	N18DLK6	26/07/1993	29	42	14.5	8.6	*Tám phẩy Sáu*	
55	1813719106	Đặng Vũ Anh	**Khoa**	N18DLK4	17/08/1994	26.5	35.5	17.5	8.0	*Tám*	
56	1813719109	Trần Đăng	**Khoa**	N18DLK6	27/6/1992	26.5	37	17.5	8.1	*Tám phẩy Một*	
57	1813719112	Đào Ngọc	**Khuê**	N18DLK4	20/07/1994	21	44.5	19	8.5	*Tám phẩy Năm*	
58	1812719114	Lưu Mỹ	**Lai**	N18DLK4	04/12/1994	24	43	18	8.5	*Tám phẩy Năm*	
59	1813719116	Phùng Duy	**Lãm**	N18DLK2	12/03/1988	28.5	31.5	16	7.6	*Bảy phẩy Sáu*	
60	1812719117	Nguyễn Thị	**Lan**	N18DLK5	20/04/1993	24	37.5	16.5	7.8	*Bảy phẩy Tám*	
61	1812719122	Nguyễn Phạm Hoài	**Linh**	N18DLK4	24/09/1994	24.5	35	14	7.4	*Bảy phẩy Bốn*	
62	1812719126	Phan Bạch Hồng	**Loan**	N18DLK4	27/02/1993	23.5	37	13.5	7.4	*Bảy phẩy Bốn*	
63	1813719131	Trần Thanh	**Lợi**	N18DLK3	18/08/1992	23.5	43.5	17.5	8.5	*Tám phẩy Năm*	
64	1813719127	Nguyễn Thành	**Long**	N18DLK1	12/06/1994	27	45	18.5	9.1	*Chín phẩy Một*	
65	1813719128	Nguyễn Hoàng	**Long**	N18DLK5	06/11/1994	24	27	11	6.2	*Sáu phẩy Hai*	
66	1812719133	Dương Trương Thị	**Luyến**	N18DLK6	15/12/1993	21.5	25	10	5.7	*Năm phẩy Bảy*	
67	1812719138	Võ Thùy Bảo	**My**	N18DLK2	09/09/1991	24	28.5	11.5	6.4	*Sáu phẩy Bốn*	
68	1812719144	Nguyễn Hoàng Ni	**Na**	N18DLK6	27/10/1994	24	26	16.5	6.7	*Sáu phẩy Bảy*	
69	1812719145	Nguyễn Vĩnh	**Nam**	N18DLK2	14/08/1993	27	40	15	8.2	*Tám phẩy Hai*	
70	1812719146	Nguyễn Thị Thúy	**Nga**	N18DLK4	05/12/1994	24	46	16	8.6	*Tám phẩy Sáu*	
71	1812719147	Đoàn Thị Khánh	**Nga**	N18DLK6	02/09/1992	24.5	46	15.5	8.6	*Tám phẩy Sáu*	
72	1812719150	Phạm Thị Bích	**Ngọc**	N18DLK2	07/02/1994	27	46.5	16	9.0	*Chín*	
73	1812219553	Nguyễn Hoài Bảo	**Ngọc**	N18DLK2	08/03/1994	22.5	46.5	14	8.3	*Tám phẩy Ba*	
74	1812719149	Nguyễn Xuân Phương	**Ngọc**	N18DLK3	07/03/1994	29.5	43	17.5	9.0	*Chín*	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP* ĐỢT THÁNG 5/2015
NGHỀ: QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN
MÔN THI: THỰC HÀNH NGHỀ

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 14/05/2015

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM			ĐIỂM TỔNG KẾT		GHI CHÚ
						LỄ TÂN	BUỒNG	BÀN	SỐ	CHỮ	
75	1812719151	Nguyễn Thị Tố	**Nguyên**	N18DLK4	11/12/1994	24.5	47	17	8.9	*Tám phẩy Chín*	
76	1813719153	Vũ Hoàng	**Nguyên**	N18DLK5	17/02/1992	23	39	16	7.8	*Bảy phẩy Tám*	
77	1812719156	Hoàng Thị	**Nguyệt**	N18DLK5	20/09/1991	25.5	43	17	8.6	*Tám phẩy Sáu*	
78	1812719157	Lê Võ My Thanh	**Nhàn**	N18DLK4	28/04/1994	23	38	18	7.9	*Bảy phẩy Chín*	
79	1813719159	Trương Thành	**Nhân**	N18DLK4	02/11/1994	22.5	38	16.5	7.7	*Bảy phẩy Bảy*	
80	1813719158	Nguyễn Trọng	**Nhân**	N18DLK4	29/09/1992	22.5	40	15.5	7.8	*Bảy phẩy Tám*	
81	1812719162	Đặng Thị Hồng	**Nhật**	N18DLK6	26/04/1994	23	30.5	18	7.2	*Bảy phẩy Hai*	
82	1812719168	Trần Thị Hiền	**Nhi**	N18DLK1	13/03/1994	29	40	14.5	8.4	*Tám phẩy Bốn*	
83	1812719167	Trương Nguyễn Yến	**Nhi**	N18DLK2	30/07/1994	26.5	40	14.5	8.1	*Tám phẩy Một*	
84	1812719166	Đoàn Trần Ý	**Nhi**	N18DLK3	25/06/1994	30	46	17	9.3	*Chín phẩy Ba*	
85	1812719170	Trần Phương Quỳnh	**Nhi**	N18DLK4	19/09/1994	27	46	15.5	8.9	*Tám phẩy Chín*	
86	1812719169	Trương Thị Thúy	**Nhi**	N18DLK4	15/12/1993	26.5	47	18	9.2	*Chín phẩy Hai*	
87	1812719165	Phan Thị Uyên	**Nhi**	N18DLK6	02/09/1993	29	44	15	8.8	*Tám phẩy Tám*	
88	1813719171	Nguyễn Thế	**Nhơn**	N18DLK2	07/04/1994	24.5	40.5	15	8.0	*Tám*	
89	1813719175	Đỗ Văn	**Nhựt**	N18DLK5	21/05/1993	27	47	13.5	8.8	*Tám phẩy Tám*	
90	1812719176	Nguyễn Thị	**Nữ**	N18DLK6	25/03/1993	30	47	16	9.3	*Chín phẩy Ba*	
91	1812719180	Nguyễn Thị Mai	**Phi**	N18DLK3	01/05/1994	25	42	17	8.4	*Tám phẩy Bốn*	
92	1812719183	Nguyễn Ngọc Nguyên	**Phú**	N18DLK4	30/04/1993	30	40.5	16.5	8.7	*Tám phẩy Bảy*	
93	1813719187	Nguyễn Thành	**Phúc**	N18DLK6	18/12/1992	24.5	40	12.5	7.7	*Bảy phẩy Bảy*	
94	1813719189	Trần Phi	**Phụng**	N18DLK5	20/11/1993	26	29	12	6.7	*Sáu phẩy Bảy*	
95	1713719963	Nguyễn Hòa	**Phước**	N17DLK1	25/01/1993	0	0	0	0.0	*Không*	Vắng
96	1813719192	Nguyễn	**Phước**	N18DLK1	08/02/1993	26.5	38	13.5	7.8	*Bảy phẩy Tám*	
97	1813719191	Nguyễn Chánh	**Phước**	N18DLK3	11/07/1990	25	35.5	15.5	7.6	*Bảy phẩy Sáu*	
98	1812719193	Võ Thị	**Phước**	N18DLK6	07/11/1994	27	42.5	13.5	8.3	*Tám phẩy Ba*	
99	1812719196	Phan Hồng	**Phương**	N18DLK3	10/09/1994	20.5	45	14.5	8.0	*Tám*	
100	1812719199	Trương Thị Ngọc	**Phượng**	N18DLK4	01/07/1994	28	44	15	8.7	*Tám phẩy Bảy*	
101	1812719203	Nguyễn Thị Thu	**Quý**	N18DLK4	04/02/1994	24.5	42	16	8.3	*Tám phẩy Ba*	
102	1812719206	Phan Thị Bảo	**Quyên**	N18DLK2	20/10/1994	30	42	16	8.8	*Tám phẩy Tám*	
103	1813719208	Phùng Ngọc	**Quỳnh**	N18DLK1	04/07/1991	30	40	14	8.4	*Tám phẩy Bốn*	
104	1812719211	Lê Thị Như	**Quỳnh**	N18DLK1	01/07/1994	29	32.5	19.5	8.1	*Tám phẩy Một*	
105	1812719213	Nguyễn Thị Như	**Quỳnh**	N18DLK5	13/01/1993	30	32.5	17	8.0	*Tám*	
106	1813719217	Phạm Ngọc	**Sơn**	N18DLK3	25/09/1993	24.5	42	15.5	8.2	*Tám phẩy Hai*	
107	1812719219	Trần Thị	**Tâm**	N18DLK2	17/04/1994	25.5	42	16.5	8.4	*Tám phẩy Bốn*	
108	1813719218	Võ Chí	**Tâm**	N18DLK3	27/11/1992	23.5	40	14	7.8	*Bảy phẩy Tám*	
109	1812719220	Phan Nguyễn Thành	**Tâm**	N18DLK6	01/12/1992	24.5	38	12.5	7.5	*Bảy phẩy Năm*	
110	1813719221	Tô Văn Hoài	**Tâm**	N18DLK6	22/02/1992	25	38	15	7.8	*Bảy phẩy Tám*	
111	1812719228	Phùng Thị Thiên	**Thanh**	N18DLK2	14/09/1993	27	28	16.5	7.2	*Bảy phẩy Hai*	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP* ĐỢT THÁNG 5/2015
NGHỀ: QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN
MÔN THI: THỰC HÀNH NGHỀ

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 14/05/2015

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM			ĐIỂM TỔNG KẾT		GHI CHÚ
						LỄ TÂN	BUỒNG	BÀN	SỐ	CHỮ	
112	1813719229	Ngô Trương Duy	**Thành**	N18DLK3	11/12/1992	23.5	30	15.5	6.9	*Sáu phẩy Chín*	
113	1812719234	Trần Việt	**Thảo**	N18DLK1	04/05/1994	25	30	15	7.0	*Bảy*	
114	1812719232	Lê Huỳnh Hiếu	**Thảo**	N18DLK3	04/12/1994	30	40	18.5	8.9	*Tám phẩy Chín*	
115	1812719230	Phạm Phương	**Thảo**	N18DLK3	22/03/1994	24.5	40	16.5	8.1	*Tám phẩy Một*	
116	1812719233	Trần Dương Việt	**Thảo**	N18DLK4	23/03/1994	27.5	30	16	7.4	*Bảy phẩy Bốn*	
117	1812719235	Nguyễn Thị Gia	**Thảo**	N18DLK6	19/02/1983	28	40.5	17	8.6	*Tám phẩy Sáu*	
118	1813719240	Nguyễn Văn	**Thịnh**	N18DLK6	13/07/1993	30	40	18	8.8	*Tám phẩy Tám*	
119	1813719243	Nguyễn Ngọc	**Thông**	N18DLK4	21/03/1994	24.5	43	18	8.6	*Tám phẩy Sáu*	
120	1812719245	Đặng Thị Hoài	**Thu**	N18DLK1	29/11/1994	29	43	16.5	8.9	*Tám phẩy Chín*	
121	1812719244	Đỗ Nguyễn Hoài	**Thu**	N18DLK5	26/07/1993	28	38.5	18.5	8.5	*Tám phẩy Năm*	
122	1812719257	Nguyễn Diệu Anh	**Thư**	N18DLK2	08/08/1993	26.5	32	17.5	7.6	*Bảy phẩy Sáu*	
123	1812719252	Võ Thị Ánh	**Thủy**	N18DLK3	07/07/1994	25.5	35	16	7.7	*Bảy phẩy Bảy*	
124	1812719255	Nguyễn Thị Thu	**Thủy**	N18DLK5	05/12/1984	28	38.5	17	8.4	*Tám phẩy Bốn*	
125	1813719264	Nguyễn Thành	**Tín**	N18DLK5	14/07/1993	26.5	35	15	7.7	*Bảy phẩy Bảy*	
126	1813119457	Nguyễn Văn	**Tịnh**	N18DLK5	15/10/1994	25	35.5	16.5	7.7	*Bảy phẩy Bảy*	
127	1813719266	Mai Đình	**Toàn**	N18DLK3	31/08/1992	23.5	30.5	15.5	7.0	*Bảy*	
128	1812719272	Huỳnh Huyền	**Trâm**	N18DLK1	08/01/1994	28	38	16	8.2	*Tám phẩy Hai*	
129	1812719271	Tôn Nguyễn Huyền	**Trâm**	N18DLK2	29/11/1994	24.5	47	17.5	8.9	*Tám phẩy Chín*	
130	1812719273	Nguyễn Thị Bích	**Trâm**	N18DLK3	13/07/1994	24.5	47	17	8.9	*Tám phẩy Chín*	
131	1812719276	Lê Thị	**Trâm**	N18DLK6	10/07/1993	24.5	30	14.5	6.9	*Sáu phẩy Chín*	
132	1712719983	Phạm Thị Huyền	**Trân**	N17DLK1	03/07/1993	24.5	30	16	7.1	*Bảy phẩy Một*	
133	1813719278	Huỳnh Ngọc	**Trí**	N18DLK5	29/12/1994	28	30	13	7.1	*Bảy phẩy Một*	
134	1813719279	Nguyễn Duy	**Trí**	N18DLK6	23/08/1994	24.5	35	15	7.5	*Bảy phẩy Năm*	
135	1813719280	Lý Thế	**Triều**	N18DLK5	09/08/1991	30	35	17.5	8.3	*Tám phẩy Ba*	
136	1813719281	Nguyễn Công	**Triệu**	N18DLK6	02/03/1994	22.5	42	14.5	7.9	*Bảy phẩy Chín*	
137	1813719287	Phạm Ngọc	**Trung**	N18DLK2	20/02/1994	29	42	19	9.0	*Chín*	
138	1813719285	Tạ Thanh	**Trung**	N18DLK5	23/08/1994	28	40.5	15	8.4	*Tám phẩy Bốn*	
139	1813719286	Nguyễn Thành	**Trung**	N18DLK5	05/02/1993	24.5	44	13.5	8.2	*Tám phẩy Hai*	
140	1813719290	Nguyễn Ngọc	**Tú**	N18DLK5	22/04/1993	20.5	29	12.5	6.2	*Sáu phẩy Hai*	
141	1813719292	Phan Thành	**Tuấn**	N18DLK5	19/07/1994	24.5	30	12.5	6.7	*Sáu phẩy Bảy*	
142	1813719295	Trần Mai Phước	**Tùng**	N18DLK3	29/11/1992	24.5	31.5	16.5	7.3	*Bảy phẩy Ba*	
143	1813719293	Phan Sỹ	**Tùng**	N18DLK4	24/01/1992	27	35	14	7.6	*Bảy phẩy Sáu*	
144	1812719296	Phạm Thị Thanh	**Tuyền**	N18DLK5	19/07/1991	25	35.5	17	7.8	*Bảy phẩy Tám*	
145	1812719297	Lâm Thảo	**Uyên**	N18DLK2	11/09/1993	0	0	0	0.0	*Không*	Vắng
146	1812719300	Trần Hồ Phương	**Uyên**	N18DLK6	12/01/1994	29.5	44	13.5	8.7	*Tám phẩy Bảy*	
147	1812719303	Trần Thị Kiều	**Vân**	N18DLK1	23/01/1994	24.5	47	17.5	8.9	*Tám phẩy Chín*	
148	1812719305	Nguyễn Thị Hoàng	**Vân**	N18DLK6	19/06/1994	30	40	17.5	8.8	*Tám phẩy Tám*	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP* ĐỢT THÁNG 5/2015
NGHỀ: QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN
MÔN THI: THỰC HÀNH NGHỀ

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 14/05/2015

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM			ĐIỂM TỔNG KẾT		GHI CHÚ
						LỄ TÂN	BUỒNG	BÀN	SỐ	CHỮ	
149	1813719301	Trần Khánh	**Văn**	N18DLK6	12/01/1994	25.5	38.5	16.5	8.1	*Tám phẩy Một*	
150	1812719304	Nguyễn Thị	**Vân**	N18DLK6	28/10/1993	23.5	44	17.5	8.5	*Tám phẩy Năm*	
151	1813719307	Huỳnh Văn	**Vĩ**	N18DLK3	08/08/1994	23.5	44	14.5	8.2	*Tám phẩy Hai*	
152	1813719310	Nguyễn Hữu	**Vinh**	N18DLK5	28/08/1993	29	44	17.5	9.1	*Chín phẩy Một*	
153	1812719311	Trương Thị	**Von**	N18DLK1	01/01/1992	24	44	16.5	8.5	*Tám phẩy Năm*	
154	1813719314	Phạm Hoàng	**Vũ**	N18DLK1	05/07/1994	29	45	14.5	8.9	*Tám phẩy Chín*	
155	1813719313	Dương Lê Tuấn	**Vũ**	N18DLK4	25/01/1992	30	40	15	8.5	*Tám phẩy Năm*	
156	1813719318	Trần Viết	**Vương**	N18DLK2	01/08/1993	29	46.5	18	9.4	*Chín phẩy Bốn*	
157	1813719317	Nguyễn Minh	**Vương**	N18DLK6	02/05/1991	24.5	46	15	8.6	*Tám phẩy Sáu*	
158	1812719319	Phan Thúy	**Vy**	N18DLK3	23/11/1994	24.5	32	16.5	7.3	*Bảy phẩy Ba*	
159	1812719321	Trần Thị Hiền	**Vy**	N18DLK5	23/04/1994	29	32	16	7.7	*Bảy phẩy Bảy*	
160	1813719322	Nguyễn Phú	**Vỹ**	N18DLK6	17/07/1993	24.5	35	15.5	7.5	*Bảy phẩy Năm*	
161	1812719323	Trương Nguyễn Như	**Ý**	N18DLK1	18/08/1994	27	35.5	18	8.1	*Tám phẩy Một*	
162	1812719324	Nguyễn Thị Kim	**Yến**	N18DLK3	23/06/1993	27.5	42	18	8.8	*Tám phẩy Tám*	

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 05 năm 2015

LẬP BẢNG	**TRƯỞNG BAN THƯ KÝ**	**CT.HỘI ĐỒNG THI & XÉT CNTN**
Nguyễn Thị Kim Phượng	**ThS. Nguyễn Ân**	**PGS. TS Lê Đức Toàn**